CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế hoạt động triển lãm mỹ thuật và Gallery

Quyết định số 10/2000/QĐ-BVHTT ngày 15 tháng 5 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin về việc ban hành Quy chế hoạt động triển lãm mỹ thuật và Gallery, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2000, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2011.

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

Căn cứ Nghị định 81/CP ngày 08/11/1993 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và bộ máy của Bộ Văn hóa - Thông tin;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Mỹ thuật[1]*,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này:

- Quy chế hoạt động triển lãm mỹ thuật và Gallery
- Mẫu đơn xin phép, mẫu giấy phép (từ mẫu 1 đến mẫu 4)

---

[1] Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2011 có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư này để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Quy chế hoạt động triển lãm mỹ thuật và Gallery ban hành kèm theo Quyết định số 03/1999/QĐ-BVHTT ngày 02/02/1999 của Bộ Văn hóa - Thông tin hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.[2]

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh[3] và Triển lãm, Chánh Thanh tra Bộ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch[4] và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

---

[2] Điều 4 và Điều 5 của Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2011 quy định như sau:

*"**Điều 4.** Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 7 năm 2011.*

***Điều 5.** Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, giải quyết./."*

[3] Cụm từ *"*Vụ Mỹ thuật*"* được thay bằng cụm từ *"*Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm*"* theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 phần III Điều 2 của Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2011.

[4] Cụm từ *"*Sở Văn hóa - Thông tin*"* được thay bằng cụm từ *"*Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch*"* theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2011.

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG TRIỂN LÃM MỸ THUẬT VÀ GALLERY

(Ban hành theo Quyết định số 10/2000/QĐ-BVHTT ngày 15 tháng 5 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Triển lãm mỹ thuật là một hình thức công bố, phổ biến tác phẩm mỹ thuật tạo hình và mỹ thuật ứng dụng (gồm các loại tranh, tượng, phù điêu, gốm nghệ thuật, makét trang trí nội thất, makét trang trí sân khấu, makét trang trí điện ảnh, áp phích, nghệ thuật xếp đặt và những loại hình sáng tạo mỹ thuật khác).

Các sản phẩm thủ công mỹ nghệ có tính hàng hóa tiêu dùng, sản xuất hàng loạt không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Nhà nước khuyến khích việc phổ biến rộng rãi những tác phẩm mỹ thuật có giá trị đến nhân dân.

Điều 3. Các triển lãm mỹ thuật do tổ chức, cá nhân của Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài trưng bày tại Việt Nam, triển lãm mỹ thuật của Việt Nam đưa ra nước ngoài phải được phép của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa thông tin theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

Điều 4. Những tác phẩm sau đây không được trưng bày hoặc mua bán:

1. Tác phẩm có nội dung:

a) Chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đoàn kết toàn dân;

b) Tuyên truyền bạo lực, chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; truyền bá tư tưởng văn hóa phản động, lối sống dâm ô, đồi trụy, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục;

c) Tiết lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế đối ngoại, bí mật đời tư của công dân và bí mật khác do pháp luật quy định;

d) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của công dân.

2. Tác phẩm vi phạm luật quyền tác giả.

Điều 5. Nếu không có sự ủy quyền của Bộ Văn hóa - Thông tin, các triển lãm do tổ chức, cá nhân của Việt Nam hoặc nước ngoài tuyển chọn tác phẩm tổ chức triển lãm ở Việt Nam hoặc đưa ra nước ngoài đều không được lấy danh nghĩa đại diện cho Mỹ thuật Việt Nam.

Chương II
THẨM QUYỀN CẤP PHÉP, THỦ TỤC XIN PHÉP HOẠT ĐỘNG TRIỂN LÃM

Điều 6. Thẩm quyền cấp phép[5]:

1. Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm cấp giấy phép đối với:

a) Triển lãm mỹ thuật có quy mô toàn quốc, ngành, do các cơ quan Trung ương tổ chức;

b) Triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam do tổ chức quốc tế; tổ chức nước ngoài hoặc nhiều nước phối hợp mang danh nghĩa đại diện cho một hoặc nhiều quốc gia tổ chức;

c) Triển lãm mỹ thuật quốc tế tại Việt Nam do tổ chức Việt Nam hoặc tổ chức nước ngoài tại Việt Nam tổ chức;

d) Hoạt động đưa tác phẩm mỹ thuật từ Việt Nam đi triển lãm tại nước ngoài do các cơ quan Trung ương thực hiện;

e) Hoạt động đưa tác phẩm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép đối với:

a) Triển lãm mỹ thuật tại địa phương do cá nhân, nhóm cá nhân người Việt Nam hoặc người nước ngoài tổ chức;

b) Triển lãm mỹ thuật tại địa phương, khu vực, do cơ quan trung ương, tổ chức nước ngoài tổ chức mà không thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

c) Hoạt động đưa tác phẩm mỹ thuật từ địa phương đi triển lãm tại nước ngoài không mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam do các cơ quan, tổ chức, cá nhân tại địa phương thực hiện.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Điều 7. Giấy phép được cấp cho triển lãm mỹ thuật đi nước ngoài là cơ sở làm thủ tục Hải quan khi xuất khẩu tác phẩm.

---

[5] Điều này được sửa đổi theo quy định tại điểm 1.2 khoản 1 phần III Điều 2 của Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2011.

Điều 8. Thủ tục đề nghị cấp phép [6]

1. Thủ tục đề nghị cấp giấy phép tổ chức triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam

Cá nhân, cơ quan, tổ chức muốn tổ chức triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam phải nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đề nghị cấp phép đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định tại Điều 6 Quy chế này.

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam (Mẫu số 1) hoặc công văn, công hàm;

- Danh sách tác phẩm, tác giả, chất liệu, kích thước tác phẩm;

- Ảnh chụp tác phẩm sẽ triển lãm (ảnh màu khuôn khổ 9cm x 12cm trở lên, dán trên giấy khổ A4, có chú thích ảnh kèm theo); Trường hợp trong tác phẩm có chữ viết bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch ra tiếng Việt;

- Bản sao chứng minh thư nhân dân (đối với cá nhân Việt Nam), hộ chiếu (đối với cá nhân là Việt kiều và người nước ngoài). Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, khi nộp mang theo bản gốc để đối chiếu; trường hợp nộp hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nộp bản sao có công chứng hoặc chứng thực.

- Đối với các triển lãm được quy định tại điểm b, điểm c, khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Quy chế này thì cần phải có giấy mời, hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận giữa hai bên.

b) Thời hạn nộp hồ sơ: Trước ngày dự kiến khai mạc triển lãm ít nhất là bảy (07) ngày làm việc.

2. Thủ tục đề nghị cấp giấy phép đưa tác phẩm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài tham dự triển lãm

Cá nhân, cơ quan, tổ chức muốn đưa tác phẩm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài tham dự triển lãm nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định tại Điều 6 Quy chế này.

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép đưa tác phẩm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài tham dự triển lãm (Mẫu số 2) hoặc công văn, công hàm;

- Danh sách tác phẩm, tác giả, chất liệu, kích thước tác phẩm;

---

[6] Điều này được sửa đổi theo quy định tại điểm 1.3 khoản 1 phần III Điều 2 của Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2011.

- Ảnh chụp tác phẩm sẽ triển lãm (ảnh mầu khuôn khổ 9cm x 12cm trở lên, dán trên giấy khổ A4, có chú thích ảnh kèm theo). Trường hợp trong tác phẩm có chữ viết bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch ra tiếng Việt;

- Bản sao chứng minh thư nhân dân (đối với cá nhân Việt Nam), hộ chiếu (đối với cá nhân là Việt kiều và người nước ngoài). Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, khi nộp mang theo bản gốc để đối chiếu; trường hợp nộp hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nộp bản sao có công chứng hoặc chứng thực;

- Giấy mời, hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận của hai bên.

b) Thời hạn nộp hồ sơ: trước ngày dự kiến gửi tác phẩm đi ít nhất là bảy (07) ngày làm việc;

3. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính tại thời điểm đề nghị cấp phép.

Điều 9. Việc thẩm định tác phẩm và cấp giấy phép do thủ trưởng cơ quan cấp phép quy định

Trường hợp cần thiết cơ quan cấp phép có thể thành lập Hội đồng tư vấn để giúp thủ trưởng cơ quan thẩm định tác phẩm. Nếu thành lập Hội đồng tư vấn thì thành phần của Hội đồng phải có 2/3 các nhà chuyên môn kỹ thuật có uy tín. Hội đồng phải có ít nhất từ 5 người trở lên.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại quyết định của cơ quan cấp giấy phép theo quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo.

Chương III
HOẠT ĐỘNG TRIỂN LÃM

Điều 11. Địa điểm triển lãm phải có diện tích trưng bày từ 20m^2 trở lên, có đầy đủ hệ thống ánh sáng, điện, nước, các phương tiện chữa cháy, không ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông.

Điều 12. Chủ địa điểm triển lãm chỉ được nhận trưng bày những tác phẩm có trong danh sách đã được cấp giấy phép.

Các hình thức tuyên truyền, quảng cáo, giới thiệu triển lãm phải sử dụng chữ Việt. Nếu sử dụng chữ nước ngoài phải thể hiện ở phía dưới và không lớn hơn 2 lần chữ Việt.

Điều 13. Việc mua bán tác phẩm là do sự thỏa thuận giữa tác giả, hoặc đơn vị phải được tác giả ủy quyền với bên mua. Khi bán tác phẩm, tác giả phải nộp tỷ lệ % theo hợp đồng thỏa thuận với đơn vị tổ chức triển lãm.

Việc trả tiền cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm trong thời gian triển lãm (nhuận treo) là do đơn vị tổ chức triển lãm và tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm thỏa thuận.

Trong quá trình trưng bày, vận chuyển, dàn dựng triển lãm, nếu tác phẩm bị hư hỏng thì tổ chức, cá nhân gây thiệt hại phải bồi thường, trường hợp tác phẩm bị mất thì phải đền bù cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm theo sự thỏa thuận giữa hai bên.

Chương IV
HOẠT ĐỘNG GALLERY

Điều 14. Khi Gallery tổ chức triển lãm phải chấp hành các quy định về triển lãm tại Quy chế này.

Điều 15. Nghiêm cấm các Gallery trưng bày, mua bán các cổ vật Nhà nước cấm buôn bán theo quy định hiện hành. Nếu buôn bán tác phẩm sao chép thì bản sao chép phải có kích thước lớn hoặc nhỏ hơn tác phẩm gốc từ 3cm trở lên, phải giữ đúng nội dung, hình thức như tác phẩm gốc, phải có chữ ký của người chép dưới chữ ký của tác giả. Đối với tác phẩm gốc còn trong thời hạn bảo hộ quyền tác giả. Việc sao chép tác phẩm còn trong thời hạn bảo hộ theo quy định tại Luật Quyền tác giả.

Điều 16. Việc mua bán tác phẩm tại Gallery phải có sổ sách ghi chép, hóa đơn chứng từ rõ ràng, đảm bảo quyền lợi cho tác giả và người mua, khi xuất khẩu phải thực hiện những quy định về xuất khẩu văn hóa phẩm.

Điều 17. Gallery có trách nhiệm bồi thường cho tác giả khi làm mất hoặc hư hỏng tác phẩm. Mức độ bồi thường do hai bên thỏa thuận.

Điều 18. Gallery phải chịu sự quản lý của các ngành chức năng theo quy định hiện hành.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Tổ chức, cá nhân hoạt động triển lãm, Gallery khi tổ chức triển lãm mỹ thuật trong nước hoặc triển lãm mỹ thuật ở nước ngoài phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này.

Điều 20. Tổ chức, cá nhân khi vi phạm Quy chế này sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định hiện hành.

Điều 21. Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 22. Quy chế này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Quy chế hoạt động triển lãm mỹ thuật và Gallery ban hành kèm theo Quyết định số 03/1999/QĐ-BVHTT ngày 02 tháng 02 năm 1999 của Bộ Văn hóa Thông tin hết hiệu lực kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực./.

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: 3209/VBHN-BVHTTDL

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2013

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Tuấn Anh

CÁC MẪU ĐƠN XIN PHÉP, MẪU GIẤY PHÉP

(Mẫu số 1: Đơn xin tổ chức triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam) [7]

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
TRIỂN LÃM MỸ THUẬT TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: .....

Tên đơn vị tổ chức triển lãm:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
Đề nghị được cấp giấy phép cho triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam:
- Tiêu đề của triển lãm:.....
- Địa điểm trưng bày:.....
- Thời gian trưng bày từ..... đến.....
- Số lượng tác phẩm:.....
- Số lượng tác giả:.....

Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về triển lãm mỹ thuật và các quy định liên quan khi tổ chức triển lãm.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)

[7] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm 1.3 khoản 1 phần III Điều 2 của Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2011.

(Mẫu số 2: Giấy phép triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam)

Số:...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP
TRIỂN LÃM MỸ THUẬT TẠI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-BVHTTDL ngày..... tháng..... năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành "Quy chế hoạt động triển lãm mỹ thuật và Gallery".

Xét đơn đề nghị của:.....

(2) Cấp giấy phép cho

Địa chỉ:.....

- Tiêu đề triển lãm:.....
- Đơn vị tổ chức.....
- Địa điểm triển lãm:.....
- Thời gian triển lãm:.....

Số lượng tác phẩm:.....

Số lượng tác giả:.....

Ngày..... tháng..... năm 200....
CƠ QUAN CẤP PHÉP
(Ký tên, đóng dấu)

(2) Tên cơ quan cấp giấy phép

(Mẫu số 3: Đơn xin tổ chức triển lãm mỹ thuật đưa ra nước ngoài)[8]

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
ĐƯA TÁC PHẨM MỸ THUẬT TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: .....

Tên đơn vị tổ chức triển lãm:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Đề nghị được cấp giấy phép cho triển lãm mỹ thuật củaViệt Nam đưa ra nước ngoài:

- Tiêu đề của triển lãm:.....
- Địa điểm trưng bày:.....
- Quốc gia:.....
- Thời gian trưng bày từ..... đến.....
- Số lượng tác phẩm:.....
- Số lượng tác giả:.....

Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về triển lãm mỹ thuật và các quy định liên quan khi tổ chức triển lãm và pháp luật của nước sở tại.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)

[8] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm 1.3 khoản 1 phần III Điều 2 của Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2011.

(Mẫu số 4: Giấy phép triển lãm mỹ thuật đưa ra nước ngoài)

Số:...../....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP
TRIỂN LÃM MỸ THUẬT ĐƯA RA NƯỚC NGOÀI

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-BVHTTDL ngày.... tháng..... năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành "Quy chế hoạt động triển lãm mỹ thuật và Gallery".

Xét đơn đề nghị của:.....

(2) ..... cấp giấy phép cho triển lãm mỹ thuật đưa ra nước ngoài

- Tiêu đề triển lãm:.....
- Đơn vị tổ chức.....
- Địa điểm triển lãm:.....
- Quốc gia:.....
- Thời gian triển lãm:.....
- Số lượng tác phẩm:.....
- Số lượng tác giả:.....

Ngày..... tháng..... năm 200....
CƠ QUAN CẤP PHÉP
(Ký tên, đóng dấu)